

Số: /BC-UBKTTC15

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO

### Thẩm tra sơ bộ Tờ trình số 64/TTr-CP ngày 06/3/2026 của Chính phủ về dự thảo Nghị quyết về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Thực hiện sự phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giao Ủy ban Kinh tế và Tài chính (KTTC) chủ trì thẩm tra dự thảo Nghị quyết cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (dự thảo Nghị quyết)<sup>1</sup>, ngày 13/3/2026, Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính (KTTC) đã tổ chức phiên họp mở rộng thẩm tra sơ bộ dự thảo Nghị quyết<sup>2</sup>. Trên cơ sở Tờ trình số 64/TTr-CP ngày 06/3/2026 của Chính phủ, dự thảo Nghị quyết và các tài liệu kèm theo, ý kiến tham gia của Thường trực Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội<sup>3</sup>, Thường trực Ủy ban KTTC xin báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội ý kiến thẩm tra sơ bộ như sau:

#### I. VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

##### 1. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Đa số ý kiến nhất trí với sự cần thiết ban hành Nghị quyết trên cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn đã được nêu tại Tờ trình số 64/TTr-CP của Chính phủ, nhằm thể chế hóa kịp thời các chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 50-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và Thông báo số 08-TB/BCĐTW ngày 08/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương; tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ để chủ động phòng ngừa từ sớm, cảnh báo sớm nguy cơ tranh chấp, bảo đảm thực hiện nghiêm các cam kết quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, củng cố môi trường đầu tư ổn định, minh bạch và uy tín quốc gia trong hội nhập quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tập trung thu hút cao độ nguồn lực đầu tư quốc tế trong giai đoạn tới phục vụ mục tiêu tăng trưởng cao.

<sup>1</sup> Nghị quyết số 119/2026/UBTVQH15 ngày 06/2/2026 về điều chỉnh chương trình lập pháp năm 2026, trong đó Khoản 2 Điều 1 quy định: “2. Điều chỉnh thời gian trình Quốc hội dự án Nghị quyết về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế từ xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 2 sang Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI và theo trình tự thủ tục, rút gọn.”

<sup>2</sup> Tham dự phiên họp có: Thường trực các Ủy ban: KTTC, PLTP, CTĐB, KHCNTN&MT.

<sup>3</sup> Đến ngày 17/3/2026, Thường trực UBKTTC nhận được: Báo cáo số 2882/BC-HĐDT15 ngày 13/3/2026 của Hội đồng dân tộc; Báo cáo số 1719/BC-UBQPANDDN ngày 13/3/2026 của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại; Báo cáo số 1832/BC-UBVHXH15 ngày 16/3/2026 của Ủy ban Văn hóa và Xã hội; Báo cáo số 1530/BC-UBCTĐB15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Công tác đại biểu; Báo cáo số 4778/BC-UBKHCMNT15 ngày 17/3/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Báo cáo số 1715/BC-UBPLTP15 ngày 18/3/2026 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp.

Một số ý kiến đề nghị tiếp tục nghiên cứu thu hẹp phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết, tập trung xử lý dứt điểm các vấn đề khó khăn, vướng mắc đã được tổng kết qua 05 năm thực hiện Quyết định số 14/2020/QĐ-TTg nêu tại Tờ trình của Chính phủ, phù hợp với đặc thù bối cảnh mới, không mở rộng quy định các nội dung mang tính quy trình, thủ tục hoặc các nội dung có tính kỹ thuật, chi tiết thuộc thẩm quyền quy định tại văn bản hướng dẫn thi hành.

## **2. Về thẩm quyền ban hành và Hồ sơ dự thảo Nghị quyết**

Đối chiếu với yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến<sup>4</sup>. Bên cạnh đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục bổ sung tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, đặc biệt là ý kiến của cơ quan có liên quan trực tiếp như Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Một số ý kiến cho rằng, dự thảo Nghị quyết chưa đủ điều kiện trình Quốc hội xem xét, thông qua, do chưa giải quyết được các khó khăn, vướng mắc nêu tại Tờ trình của Chính phủ, nhiều quy định còn chung chung, mang tính hành chính, thủ tục và không thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

## **3. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với chủ trương, đường lối của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật**

**3.1.** Một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ lưỡng các nội dung khác với quy định hiện hành<sup>5</sup>; thuyết minh rõ sự cần thiết, cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn và tính đặc thù của việc thiết kế cơ chế, chính sách tại dự thảo Nghị quyết; đồng thời đánh giá đầy đủ tác động, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi, chặt chẽ trong tổ chức thực hiện, tránh tạo khoảng trống pháp lý hoặc phát sinh vướng mắc trong quá trình áp dụng.

**3.2.** Một số ý kiến đề nghị làm rõ cơ sở, sự cần thiết của quy định trao thẩm quyền cho phép thực hiện một số hoạt động khác với Luật Bảo vệ bí mật nhà nước tại dự thảo Nghị quyết và đề nghị cần báo cáo cấp có thẩm quyền về nội dung này. Một số ý kiến đề nghị làm rõ cơ sở quy định về chế độ, chính sách đối với người lao động của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; chế độ, chính sách cho người làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế có nội dung khác với pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm chặt chẽ, khả thi, tránh phát sinh vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

---

<sup>4</sup> Hồ sơ dự thảo Nghị quyết bao gồm: (1) Tờ trình; (2) dự thảo Nghị quyết; (3) Báo cáo thẩm định và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (4) Bản so sánh dự thảo Nghị quyết với pháp luật hiện hành; (5) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; (6) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết.

<sup>5</sup> Dự thảo Nghị quyết có quy định khác với pháp luật hiện hành về cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, như: *cơ chế hoạt động của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; quy định về kinh phí cho công tác hòa giải, phòng ngừa và giải quyết tranh chấp; cơ chế, chính sách áp dụng đối với đội ngũ nhân sự thực hiện nhiệm vụ này...*

**3.3.** Nhiều ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, bảo đảm dự thảo Nghị quyết chỉ quy định những nội dung thực sự khác với luật, nghị quyết của Quốc hội và thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội; không quy định lại các nội dung đã được điều chỉnh trong pháp luật hiện hành hoặc các vấn đề mang tính kỹ thuật, thủ tục hành chính, có khả năng thường xuyên biến động trong thực tiễn; đối với quy trình, thủ tục, cơ chế phối hợp cụ thể và các nội dung thuộc thẩm quyền điều hành, đề nghị giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định chi tiết để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời, phù hợp thực tiễn, đúng tinh thần đổi mới công tác xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW và Kết luận số 119-KL/TW của Bộ Chính trị<sup>6</sup>.

**3.4.** Bên cạnh đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị quyết, bảo đảm tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, trong đó yêu cầu: “*ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật*”. Đề nghị nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các nội dung về thành lập Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế; chế độ, chính sách đối với người làm công tác phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế và các cơ chế, chính sách tại dự thảo Nghị quyết có nội dung chưa phù hợp với Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

#### **4. Về tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, chính sách dân tộc, bình đẳng giới**

**4.1.** Một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn diện các thủ tục nội bộ có thể phát sinh khi triển khai Nghị quyết, nghiên cứu cắt giảm, đơn giản hóa tối đa, bảo đảm tinh gọn, rõ đầu mối, rõ trách nhiệm. Đồng thời, cần đánh giá đầy đủ sự cần thiết và tính hợp lý của từng thủ tục; giao cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể về trình tự, thời hạn xử lý và trách nhiệm của cơ quan liên quan, tránh chồng chéo, kéo dài thời gian giải quyết vụ việc, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi tổ chức thực hiện.

**4.2.** Có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an rà soát để bảo đảm nội dung của dự thảo Nghị quyết phù hợp với yêu cầu về quốc phòng, an ninh (như: đối với các trường hợp tranh chấp đầu tư quốc tế phức tạp có ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại, an ninh hoặc

---

<sup>6</sup> Qua rà soát, một số quy định tại Chương II, Chương III, Chương IV của dự thảo Nghị quyết còn thiên về thủ tục hành chính, trình tự, nội dung phối hợp cụ thể, có khả năng biến động thường xuyên; một số quy định mang tính nhắc lại các nguyên tắc đã được xác định trong Hiến pháp và pháp luật hiện hành, không có tính đặc thù như quy định tại khoản 1 Điều 4 (*bảo đảm tuân thủ Hiến pháp*), khoản 1 Điều 7 (*phát hiện và đề xuất xử lý các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp...*). cần được nghiên cứu chỉnh lý theo hướng nêu trên, tránh trùng lặp và nâng cao chất lượng kỹ thuật lập pháp của Nghị quyết.

quốc phòng,...). Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung giao Bộ Ngoại giao tham gia đánh giá rủi ro đối ngoại, cung cấp thông tin kịp thời trong cơ chế cảnh báo sớm nhằm bảo đảm đồng bộ với công tác đối ngoại<sup>7</sup>.

## II. VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ

### 1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính nhận thấy, tại Điều 1 của dự thảo Nghị quyết chỉ giới hạn phạm vi điều chỉnh trong lĩnh vực *phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế*. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 22 của dự thảo Nghị quyết đang cho phép áp dụng Điều 20<sup>8</sup> trong quá trình phòng ngừa, giải quyết các tranh chấp quốc tế khác (hành chính, tư pháp...) mà Nhà nước, Chính phủ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước Việt Nam là bị đơn. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, làm rõ hơn phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết để bảo đảm tính thống nhất về cơ chế, chính sách áp dụng đối với các tranh chấp quốc tế nói chung, không chỉ phát sinh trong lĩnh vực đầu tư mà Nhà nước, Chính phủ, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước Việt Nam là bị đơn; trong đó, làm rõ cơ chế xử lý, trách nhiệm phối hợp để giải quyết các tranh chấp quốc tế khác không phải là lĩnh vực đầu tư.

Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị bổ sung quy định trường hợp khác<sup>9</sup> được áp dụng cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù, bảo đảm nguồn lực không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết<sup>10</sup>.

### 2. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)

Đa số ý kiến cho rằng, đối tượng áp dụng trong dự thảo Nghị quyết gồm cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế là phù hợp. Tuy nhiên, đề nghị làm rõ cơ chế phối hợp, các chính sách đặc thù, nguồn lực cho các đối tượng áp dụng như: (i) *tổ chức được Nhà nước ủy quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước (như tại điểm c Khoản 1 Điều 19)*; (ii) *doanh nghiệp nhà nước (khoản 3 Điều 22)*<sup>11</sup>.

### 3. Về Giải thích từ ngữ (Điều 3)

Một số ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát, bổ sung quy định giải thích thuật ngữ, chủ thể được sử dụng trong dự thảo Nghị quyết, như “*Cơ quan chủ trì giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của nhà đầu tư nước ngoài*” tại Điều 8 và Điều 15; “*cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư*” tại khoản 2 Điều 9, “*Ban chỉ đạo liên ngành về giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế*” quy định tại khoản 11 Điều 12, “*Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế*” để khái quát rõ cơ quan này được thành lập, trực thuộc cơ quan nào,...

<sup>7</sup> Báo cáo số 1719/BC-UBQPANDDN ngày 13/3/2026 của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại.

<sup>8</sup> Điều 20 của dự thảo Nghị quyết quy định chế độ, chính sách cho người làm công tác phòng ngừa và giải quyết *tranh chấp đầu tư quốc tế*.

<sup>9</sup> Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ vốn dưới 50%; trường hợp chỉ có một hoặc một số thành viên hợp danh là cá nhân người nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh nhưng vụ việc có tính chất phức tạp, nguy cơ gây thiệt hại lớn đến quyền, lợi ích hợp pháp của Việt Nam hoặc gây ảnh hưởng, tác động xấu đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc môi trường đầu tư kinh doanh.

<sup>10</sup> Báo cáo số 1715/BC-UBPLTP15 ngày 18/3/2026 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp

<sup>11</sup> Báo cáo số 4778/BC-UBKHCNMT15 ngày 17/3/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Báo cáo số 1715/BC-UBPLTP15 ngày 18/3/2026 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp.

Có ý kiến cho rằng, khoản 1 Điều 3 chưa bao quát hết các trường hợp tranh chấp đầu tư quốc tế phát sinh trong thực tiễn, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định trường hợp khác được áp dụng cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù, bảo đảm nguồn lực không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết<sup>12</sup>. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu phân định rõ nhóm tranh chấp phát sinh từ các quyết định quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương với nhóm tranh chấp liên quan đến hoạt động của các cơ quan tư pháp tại khoản 1 Điều 3.

#### **4. Về Nguyên tắc phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Điều 4)**

**4.1.** Một số ý kiến đề nghị rà soát các nguyên tắc quy định tại Điều 4, thiết kế theo hướng cụ thể hơn, gắn với đặc thù của công tác phối hợp phòng ngừa và xử lý tranh chấp đầu tư quốc tế, thay vì chỉ dừng ở các nguyên tắc chung; trong đó, cần nhấn mạnh định hướng chuyển từ tư duy “xử lý tranh chấp” sang “phòng ngừa tranh chấp”, coi trọng các biện pháp cảnh báo sớm, đối thoại, thương lượng, thỏa thuận và hòa giải nhằm hạn chế phát sinh tranh chấp hoặc giảm thiểu rủi ro khi vụ việc phát sinh.

Một số ý kiến cho rằng, trong thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế có thể phát sinh trường hợp biện pháp của cơ quan nhà nước phù hợp với pháp luật trong nước nhưng vẫn bị cơ quan tài phán quốc tế xem xét dưới góc độ nghĩa vụ quốc tế trong các hiệp định bảo hộ đầu tư. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ hơn cách thức vận dụng nguyên tắc này trong thực tiễn để bảo đảm *vừa tuân thủ pháp luật trong nước, vừa thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam*.

Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc “*Bảo đảm độc lập của cơ quan tài phán Việt Nam và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ việc tranh chấp tranh chấp đầu tư quốc tế*” vào dự thảo Nghị quyết<sup>13</sup>. Có ý kiến đề nghị bổ sung hoặc nhấn mạnh nguyên tắc “không can thiệp trái thẩm quyền vào hoạt động xét xử” khi phối hợp với Tòa án, Viện kiểm sát để bảo đảm độc lập tư pháp và tránh rủi ro “tổ tụng hóa” trách nhiệm hành chính<sup>14</sup>.

Có ý kiến đề nghị bổ sung các quy định có tính nguyên tắc về nghĩa vụ thẩm định pháp lý quốc tế, chuẩn hóa hợp đồng, quy định thẩm quyền của Chính phủ trong việc ban hành, kiểm soát danh mục điều khoản hợp đồng phải xin ý kiến cấp có thẩm quyền; phát hiện sớm nguy cơ kiện và xử lý trước khi thành tranh chấp.

**4.2.** Một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ tiêu chí xác định trường hợp chậm trễ do lỗi chủ quan của Cơ quan chủ trì để bảo đảm tính khả thi và tránh phát sinh cách hiểu, áp dụng không thống nhất trong thực tiễn.

Có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, bổ sung quy định làm rõ trách nhiệm phối hợp của Cơ quan đại diện pháp lý với Cơ quan chủ trì nhằm bảo đảm cơ chế phối hợp hai chiều, rõ trách nhiệm của từng chủ thể và nâng cao hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

<sup>12</sup> Báo cáo số 1715/BC-UBPLTP15 ngày 18/3/2026 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp.

<sup>13</sup> Báo cáo số 1715/BC-UBPLTP15 ngày 18/3/2026 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp.

<sup>14</sup> Báo cáo số 4778/BC-UBKHCNMT15 ngày 17/3/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

**4.3.** Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị nghiên cứu hoàn thiện các quy định về quản lý, bảo mật thông tin, tài liệu liên quan đến tranh chấp đầu tư quốc tế tại khoản 6 Điều 4 theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, vừa phù hợp với xu hướng minh bạch ngày càng tăng trong các cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

## **5. Về áp dụng pháp luật (Điều 5)**

**5.1.** Một số ý kiến cho rằng, cụm từ “*có quy định khác nhau*” tại khoản 1 Điều 5 còn khá rộng, chưa làm rõ phạm vi ưu tiên áp dụng của Nghị quyết. Đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ phạm vi điều chỉnh của quy định này theo hướng giới hạn trong các nội dung liên quan trực tiếp đến công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, tránh cách hiểu mở rộng dẫn đến xung đột không cần thiết với các luật chuyên ngành khác.

**5.2.** Một số ý kiến đề nghị rà soát lại cách diễn đạt, chỉnh lý quy định tại khoản 2 Điều 5 theo hướng làm rõ vai trò của các văn bản hướng dẫn trong việc tổ chức thực hiện thống nhất Nghị quyết, tránh cách hiểu văn bản dưới luật có thể quyết định việc áp dụng pháp luật khi có sự khác nhau giữa các quy định pháp lý, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc thứ bậc hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật.

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về nguyên tắc áp dụng điều ước quốc tế, theo đó trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trong nước có quy định khác với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế, trừ trường hợp Hiến pháp<sup>15</sup>.

## **6. Về phối hợp trong phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế (Chương II - Điều 6 đến Điều 9)**

**6.1.** Một số ý kiến cho rằng, việc đưa nội dung về thủ tục hành chính, quy trình, quy định chi tiết vào Nghị quyết của Quốc hội là chưa thực sự hợp lý và chưa thống nhất với tinh thần đổi mới công tác xây dựng pháp luật<sup>16</sup>. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ những nội dung tại Chương II theo hướng chỉ quy định những nội dung mang tính nguyên tắc, cơ chế đặc thù gắn với yêu cầu phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế thuộc thẩm quyền của Quốc hội; đối với các quy trình, thủ tục, biện pháp tổ chức thực hiện và các nội dung có tính kỹ thuật, đề nghị nghiên cứu giao Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết trong văn bản hướng dẫn để bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với thực tiễn triển khai; đồng thời cần xác định rõ chủ thể, khách thể, đối tượng và nguyên tắc phối hợp làm cơ sở xác định cụ thể nội dung, trách nhiệm phối hợp của các bên có liên quan.

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định tại Điều 7 về đánh giá rủi ro tranh chấp đầu tư quốc tế để giúp cụ thể hóa công cụ phòng ngừa tranh chấp ở giai đoạn sớm của quá trình hoạch định chính sách. Đồng thời, đề nghị cần xác định đầu mối,

<sup>15</sup> Báo cáo số 4778/BC-UBKHCNMT15 ngày 17/3/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

<sup>16</sup> Một số quy định tại Chương II chủ yếu mô tả, liệt kê chức năng, nhiệm vụ chung của các cơ quan nhà nước, chưa làm rõ cơ chế pháp lý đặc thù cần thiết để quy định ở cấp nghị quyết của Quốc hội, như: *Điều 6 liệt kê nội dung cơ chế phối hợp, Điều 7 quy định trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương trong rà soát pháp luật, kiểm tra hoạt động đầu tư và thực hiện các cam kết quốc tế, trong đó một số nội dung cơ bản đã được quy định trong các luật hiện hành như Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Điều ước quốc tế, Luật Đầu tư; Điều 10 quy định về tuyên truyền, đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức chủ yếu mang tính định hướng chính sách, không phải cơ chế đặc thù,...*

chủ trì và phối hợp (như: Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan quản lý đầu tư...) để tránh không xác định rõ Cơ quan chủ trì khi rà soát rủi ro<sup>17</sup>.

**6.2.** Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế “đánh giá hậu kiểm rủi ro” đối với các dự án, hợp đồng có nguy cơ cao (BOT, PPP, dự án đất đai...) để phù hợp định hướng cảnh báo sớm dựa trên rủi ro tại Điều 6. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung khoản mới sau khoản 3 Điều 6 về phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế liên quan đến khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường<sup>18</sup>.

**6.3.** Một số ý kiến đề nghị nghiên cứu bảo đảm tính khả thi của quy định về thời hạn chuyên thông báo trong “03 ngày làm việc” tại khoản 2 Điều 8 nhưng chưa làm rõ trách nhiệm và cơ chế xử lý khi không thực hiện đúng thời hạn tại khoản 2 Điều 8.

Có ý kiến đề nghị nghiên cứu giao một cơ quan làm đầu mối thống nhất trong việc tiếp xúc, trả lời nhà đầu tư, điều phối phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và tổng hợp thông tin, dữ liệu về các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế nhằm bảo đảm thông nhất quan điểm xử lý, hạn chế tình trạng hồ sơ phải luân chuyển qua nhiều cơ quan, dẫn đến chậm trễ trong phản hồi, không kịp thời cảnh báo và xử lý sớm các rủi ro tranh chấp; đồng thời tạo điều kiện tích lũy kinh nghiệm, hỗ trợ hiệu quả cho các cơ quan có biện pháp bị kiện, qua đó góp phần bảo vệ tốt nhất lợi ích của Nhà nước Việt Nam và hạn chế nguy cơ phát sinh khiếu kiện quốc tế gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Ngoài ra, có ý kiến cho rằng, cụm từ “*có khả năng phát sinh vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế*” tại khoản 7 Điều 8 cần được làm rõ tiêu chí xác định để bảo đảm việc thông tin, cảnh báo được thực hiện kịp thời, hiệu quả trong thực tiễn.

## **7. Về phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Chương III - Điều 10 đến Điều 15)**

### **7.1. Về mô hình tổ chức cơ chế phối hợp giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế**

Qua nghiên cứu các quy định của dự thảo Nghị quyết, mô hình tổ chức được thiết kế tại các Điều 11, 12, 13 và 15 theo hướng *Cơ quan chủ trì là cơ quan trực tiếp có biện pháp bị đe dọa kiện hoặc bị kiện trong tranh chấp đầu tư quốc tế (Khoản 1 Điều 11), phạm vi thẩm quyền rộng, bao gồm việc xây dựng chiến lược xử lý vụ việc, lựa chọn và ký kết hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư quốc tế, chỉ định trọng tài viên, quản lý thông tin, tài liệu mật và tổ chức thực hiện phán quyết (Điều 12); Cơ quan đại diện pháp lý chủ yếu thực hiện chức năng “phối hợp, hỗ trợ, tư vấn khi được yêu cầu” (Điều 13).*

<sup>17</sup> Báo cáo số 4778/BC-UBKHCNMT15 ngày 17/3/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

<sup>18</sup> Báo cáo số 4778/BC-UBKHCNMT15 ngày 17/3/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường: “**4. Đối với các dự án đầu tư trong các lĩnh vực có nguy cơ phát sinh tranh chấp đầu tư quốc tế cao như năng lượng, khai thác tài nguyên, công nghệ cao, môi trường, xử lý chất thải, chuyển đổi năng lượng và ứng phó biến đổi khí hậu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm:** a) Rà soát sự phù hợp của chính sách, pháp luật và các cam kết quốc tế có liên quan trước khi ban hành hoặc điều chỉnh chính sách; b) Đánh giá rủi ro tranh chấp đầu tư quốc tế trong quá trình xây dựng, sửa đổi chính sách, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường; c) Thực hiện cơ chế tham vấn với các cơ quan liên quan trước khi ban hành các chính sách có khả năng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài.”

Một số ý kiến cho rằng: **(1)** Cơ chế này đặt ra yêu cầu làm rõ hơn vai trò điều phối và định hướng pháp lý ở cấp trung ương trong xử lý tranh chấp đầu tư quốc tế. Tranh chấp đầu tư quốc tế thường được giải quyết trên cơ sở các điều ước quốc tế với tiêu chuẩn pháp lý và kỹ thuật tổ tụng phức tạp, trong khi nhiều cơ quan có biện pháp bị kiện, nhất là ở địa phương hoặc cơ quan chuyên ngành, chưa có nhiều kinh nghiệm và nguồn lực chuyên sâu trong lĩnh vực này. Việc giao từng cơ quan có biện pháp bị kiện trực tiếp chủ trì và xây dựng phương án xử lý tranh chấp có thể dẫn đến sự phân tán trong cách tiếp cận và lập luận pháp lý giữa các vụ việc, khó hình thành chiến lược pháp lý chất lượng, thống nhất và tích lũy kinh nghiệm mang tính hệ thống để bảo vệ lợi ích của Nhà nước trong dài hạn. Trong khi đó, vai trò của Cơ quan đại diện pháp lý tại Điều 13 chủ yếu dừng ở mức “*phối hợp, hỗ trợ, tư vấn khi được yêu cầu*”, chưa bảo đảm tính chủ động của cơ quan pháp lý trung ương trong xây dựng và định hướng chiến lược pháp lý thống nhất, đặc biệt trong bối cảnh tranh chấp đầu tư quốc tế gắn với việc diễn giải và áp dụng các hiệp định đầu tư, đòi hỏi cách tiếp cận nhất quán ở cấp quốc gia. **(2)** Phạm vi thẩm quyền được giao cho Cơ quan chủ trì tại Điều 12 là khá rộng, bao gồm nhiều nội dung mang tính chiến lược và chuyên môn pháp lý, như chủ trì xây dựng chiến lược, lộ trình giải quyết vụ việc, chỉ định trọng tài viên, lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư. Trong khi đó, tranh chấp đầu tư quốc tế về bản chất là tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và Nhà nước Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nên việc xây dựng chiến lược pháp lý, lựa chọn luật sư, xác định lập luận bảo vệ cần được đặt trong tổng thể lợi ích quốc gia, không chỉ giới hạn trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan ban hành biện pháp bị kiện. **(3)** Quy định Cơ quan chủ trì vừa trực tiếp xây dựng phương án xử lý tranh chấp, vừa là chủ thể ban hành quyết định hoặc biện pháp quản lý bị khiếu kiện tại khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 15 có thể ảnh hưởng đến tính khách quan trong việc đánh giá khả năng thương lượng, hòa giải sớm và lựa chọn phương án xử lý tối ưu nhằm bảo đảm lợi ích tổng thể của Nhà nước, ảnh hưởng mục tiêu chính sách hướng tới hòa giải, phòng ngừa tranh chấp của dự thảo Nghị quyết.

Nhiều ý kiến cho rằng, việc giao cơ quan có biện pháp bị kiện làm Cơ quan chủ trì giúp gắn trách nhiệm giải quyết tranh chấp với trách nhiệm quản lý nhà nước của cơ quan ban hành biện pháp, đồng thời cơ quan này thường nắm rõ bối cảnh chính sách, hồ sơ và các yếu tố thực tế của vụ việc, thuận lợi cho quá trình xử lý tranh chấp. Tuy nhiên, để bảo đảm tính chuyên nghiệp và thống nhất trong xây dựng, triển khai chiến lược pháp lý của Nhà nước trong các vụ tranh chấp đầu tư quốc tế, đề nghị tiếp tục đánh giá toàn diện mô hình tổ chức cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trong dự thảo Nghị quyết, làm rõ cơ sở lựa chọn mô hình và cần tăng cường vai trò điều phối, chủ trì định hướng chiến lược của Cơ quan đại diện pháp lý của Chính phủ nhằm bảo đảm thống nhất lập luận pháp lý, nâng cao năng lực quản trị rủi ro và sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước trong bảo vệ lợi ích quốc gia, theo đó nghiên cứu giao Cơ quan đại diện pháp lý chủ trì thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng đòi hỏi chuyên môn pháp lý chuyên sâu, như các nhiệm vụ quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 12 (hiện đang giao Cơ quan chủ trì thực hiện). Có ý kiến cho rằng, việc xác định Cơ quan chủ trì cần theo hướng chuyên môn hóa, tập trung đầu mối và kế thừa kinh nghiệm, nhằm bảo đảm thống nhất chỉ đạo, quan điểm xử lý và hạn chế rủi ro pháp lý, chi phí cho Nhà nước<sup>19</sup>.

<sup>19</sup> Văn bản số 113/TANDTC-PC ngày 05/3/2026 của Tòa án Nhân dân tối cao.

Ngoài ra, một số ý kiến băn khoăn đối với trường hợp biện pháp bị kiện là bản án hoặc quyết định tố tụng của cơ quan tư pháp. Theo nguyên tắc của dự thảo Nghị quyết, cơ quan có biện pháp bị kiện sẽ là Cơ quan chủ trì; tuy nhiên trong trường hợp này, việc giao cơ quan tư pháp đồng thời giữ vai trò chủ trì trong xử lý tranh chấp quốc tế có thể đặt ra vấn đề nhạy cảm liên quan đến nguyên tắc độc lập tư pháp, đồng thời phát sinh khó khăn trong cơ chế phối hợp với các cơ quan hành pháp. Có ý kiến cho rằng, cách tiếp cận này có thể làm ảnh hưởng uy tín, vị thế của nền tư pháp khi Tòa án bị đặt vào tình thế phải “tham gia tranh tụng” để tự bảo vệ các phán quyết của mình trong một cơ chế tài phán quốc tế<sup>20</sup>. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình thấu đáo, đánh giá tác động và làm rõ cơ chế xử lý phù hợp đối với trường hợp này.

**7.2.** Có ý kiến cho rằng, khoản 5 Điều 10 giao “*Chính phủ quy định cơ chế phối hợp trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế*”, theo đó, văn bản do Chính phủ ban hành có nội dung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, thủ tục liên quan đến Tòa án và Viện kiểm sát là không phù hợp<sup>21</sup>.

**7.3.** Một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu giao cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết việc thực hiện khoản 2 và khoản 3 Điều 11 nhằm bảo đảm rõ ràng về quy trình, thuận lợi trong tổ chức thực hiện, tránh kéo dài quá trình xác định cơ quan chủ trì, nhất là trong bối cảnh các tranh chấp đầu tư quốc tế thường có yêu cầu phản hồi trong thời hạn ngắn theo quy tắc tố tụng quốc tế; do đó, cần xác định rõ nguyên tắc tại dự thảo Nghị quyết để bảo đảm thời gian theo yêu cầu tố tụng.

Một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, đánh giá tính hợp lý của quy định thời hạn 05 ngày làm việc tại khoản 2 Điều 11 vì cho rằng quy định này khó khả thi, nhất là đối với các tranh chấp có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều cơ quan, nội dung phức tạp...; đề nghị cân nhắc chỉ quy định nguyên tắc chung tại Nghị quyết và giao cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn cụ thể để bảo đảm vừa kịp thời, vừa khả thi khi triển khai trong thực tiễn.

**7.4.** Một số ý kiến cho rằng, chi phí thuê luật sư quốc tế thường rất lớn, do đó đề nghị nghiên cứu bổ sung cơ chế kiểm soát, thẩm định và giám sát phù hợp tại khoản 6 Điều 12 nhằm bảo đảm công khai, minh bạch, tránh phát sinh rủi ro trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, khoản 6 Điều 12 giao Cơ quan chủ trì xây dựng tiêu chí, quy trình lựa chọn tổ chức hành nghề luật sư và trực tiếp ký kết, quản lý hợp đồng dịch vụ pháp lý, trong khi khoản 1 Điều 13 giao Cơ quan đại diện pháp lý xây dựng, giới thiệu danh sách luật sư phục vụ giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Tuy nhiên, chưa rõ việc lựa chọn luật sư có bắt buộc phải thực hiện trong danh sách do Cơ quan đại diện pháp lý xây dựng hay không và cơ chế xử lý trong trường hợp lựa chọn ngoài danh sách. Một số ý kiến cho rằng, nếu không có hướng dẫn, quy định rõ có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau, ảnh hưởng đến tính thống nhất trong lựa chọn tư vấn pháp lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ pháp lý trong các vụ tranh chấp đầu tư quốc tế.

<sup>20</sup> Văn bản số 113/TANDTC-PC ngày 05/3/2026 của Tòa án Nhân dân tối cao.

<sup>21</sup> Báo cáo số 1715/BC-UBPLTP15 ngày 18/3/2026 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp.

Một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, đánh giá kỹ sự phù hợp của khoản 7 Điều 12 và khoản 4 Điều 13 của dự thảo Nghị quyết với Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định có liên quan; đồng thời hoàn thiện quy định theo hướng làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế kiểm soát trong quá trình thực hiện, bảo đảm chặt chẽ và khả thi. Một số ý kiến đề nghị cần nghiên cứu thiết kế cơ chế lưu trữ, quản lý và bảo mật hồ sơ vụ việc một cách chặt chẽ, bảo đảm vừa phục vụ hiệu quả quá trình xử lý tranh chấp, vừa tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

Có ý kiến cho rằng, khoản 7 Điều 12 có nguy cơ xung đột trực tiếp với khoản 2 Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, trong đó liệt kê hành vi nghiêm cấm, bao gồm soạn thảo, lưu giữ tài liệu bí mật trên thiết bị kết nối mạng (trừ LAN độc lập) và truyền đưa bí mật nhà nước trên mạng Internet, viển thông trái quy định. Do đó, đề nghị thay từ “cho phép” thành “*tổ chức thực hiện theo cơ chế bảo mật đặc biệt được pháp luật cho phép*” (LAN độc lập, hệ thống mật mã, cơ yếu, giải mật, giảm mật theo thẩm quyền, lược bỏ thông tin mật, đề nghị cơ quan tài phán áp dụng lệnh bảo mật)<sup>22</sup>.

**7.5.** Một số ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, làm rõ tiêu chí xác định các trường hợp cần thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành<sup>23</sup>; đồng thời cân nhắc giao cơ quan có thẩm quyền quy định cụ thể hơn về trình tự, thủ tục và cơ chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, hoặc dẫn chiếu áp dụng các quy định hiện hành có liên quan để bảo đảm tính rõ ràng, khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.

**7.6.** Một số ý kiến cho rằng, quy định theo hướng Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm toàn diện trong quá trình phối hợp xử lý tranh chấp tại khoản 3 Điều 14 có thể khó khả thi trong bối cảnh nhiều cơ quan cùng tham gia xử lý vụ việc, do đó đề nghị tiếp tục rà soát, phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan liên quan, bảo đảm cơ chế phối hợp chặt chẽ, minh bạch và khả thi trong tổ chức thực hiện.

Có ý kiến đề nghị cần bổ sung tại Điều 14 chế tài, biện pháp bảo đảm như thời hạn cung cấp, thẩm quyền yêu cầu, cơ chế bảo đảm bí mật. Đồng thời, với cơ quan tư pháp, nên quy định theo hướng “*cung cấp trong phạm vi pháp luật cho phép*” và cơ chế xin ý kiến<sup>24</sup>.

**7.7.** Có ý kiến đề nghị rà soát quy định về hòa giải tại Điều 15; theo đó khi xây dựng kế hoạch giải quyết tranh chấp cần xác định phương án hòa giải ngay từ đầu và là một phương án trong giải quyết tranh chấp tại trọng tài; đồng thời đề nghị rà soát kỹ thuật tại Điều 15 vì Điều này vừa thuộc phạm vi của Chương II và Chương III của dự thảo Nghị quyết.

<sup>22</sup> Báo cáo số 4778/BC-UBKHCNMT15 ngày 17/3/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường; Báo cáo số 1715/BC-UBPLTP15 ngày 18/3/2026 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp.

<sup>23</sup> Các tiêu chí như “*giá trị lớn*”, “*ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại, an ninh, quốc phòng*” hoặc “*liên quan tới các cơ quan ngoài Chính phủ*” tại khoản 11 Điều 12 chưa được làm rõ về nội hàm và phạm vi áp dụng, dẫn đến khó khăn trong việc xác định trường hợp cụ thể cần thành lập Ban Chỉ đạo. Dự thảo cũng chưa quy định rõ trình tự, thủ tục và căn cứ xem xét việc thành lập Ban Chỉ đạo liên ngành, cũng như cơ sở pháp lý áp dụng trong trường hợp thành lập và tổ chức hoạt động của Ban Chỉ đạo.

<sup>24</sup> Báo cáo số 4778/BC-UBKHCNMT15 ngày 17/3/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

## **8. Về nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Điều 16)**

**8.1.** Theo quy định của Chính phủ<sup>25</sup>, Bộ Tư pháp là cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ trong giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế trên cơ sở các điều ước quốc tế về đầu tư. Theo Tờ trình của Chính phủ, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp thuộc Cục Pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, Bộ Tư pháp. Do đó, nhiều ý kiến đề nghị cần nhắc việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động của Trung tâm ngay trong Nghị quyết của Quốc hội, tránh phát sinh thêm đầu mối tổ chức mới; trường hợp cần thiết chỉ nên quy định nguyên tắc chung và giao Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức, vận hành, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đã được giao cho Bộ Tư pháp và bảo đảm tính linh hoạt trong tổ chức thực hiện.

Một số ý kiến đề nghị rà soát, lược bỏ các nội dung tại Chương IV (Điều 16, 17, 18) do chủ yếu thuộc thẩm quyền quy định, điều hành của Chính phủ, không cần thiết quy định chi tiết ở cấp Nghị quyết của Quốc hội. Một số ý kiến đề nghị đánh giá sự cần thiết thành lập Trung tâm, làm rõ việc này có bảo đảm phù hợp với chủ trương tinh gọn bộ máy của Đảng không và báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định đối với nội dung này. Thực tiễn cho thấy, hiệu quả phòng ngừa và xử lý tranh chấp đầu tư quốc tế phụ thuộc chủ yếu vào năng lực chuyên sâu, kinh nghiệm tích lũy, chất lượng quản trị hồ sơ, chứng cứ và cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả, hơn là việc mở rộng mô hình tổ chức<sup>26</sup>.

**8.2.** Có ý kiến cho rằng, tại khoản 9 Điều 16 của dự thảo Nghị quyết quy định *Trung tâm có thể tham gia tranh tụng tại cơ quan tài phán trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế*. Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết chưa làm rõ tư cách pháp lý của Trung tâm khi tham gia các thủ tục tố tụng này, trong khi theo thông lệ và quy tắc tố tụng quốc tế, việc đại diện cho Nhà nước trong tranh chấp đầu tư quốc tế thường được thực hiện thông qua cơ quan đại diện pháp lý hoặc các tổ chức hành nghề luật sư được ủy quyền.

**8.3.** Có ý kiến cho rằng, dự thảo Nghị quyết cho phép Trung tâm tiếp cận hồ sơ vụ việc, xây dựng cơ sở dữ liệu và hỗ trợ các cơ quan trong quá trình xử lý tranh chấp đầu tư quốc tế nhưng các quy định về cơ chế bảo mật thông tin, quản lý và sử dụng dữ liệu chưa được làm rõ, trong khi hồ sơ tranh chấp đầu tư quốc tế thường liên quan đến nhiều thông tin nhạy cảm như chiến lược pháp lý của Nhà nước, tài liệu nội bộ của các cơ quan nhà nước hoặc thông tin liên quan đến đàm phán quốc tế. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện quy định về cơ chế quản lý, bảo mật và chia sẻ thông tin, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin trong quá trình xử lý các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế.

**8.4.** Một số ý kiến băn khoăn đối với quy định cho phép Trung tâm cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý cho tổ chức, doanh nghiệp (khoản 8 Điều 16) vì có thể

<sup>25</sup> Khoản 13 Điều 2 Nghị định số 09/2026/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

<sup>26</sup> Văn bản số 113/TANDTC-PC ngày 05/3/2026 của Tòa án Nhân dân tối cao.

phát sinh nguy cơ xung đột lợi ích trong một số trường hợp, đặc biệt khi doanh nghiệp được tư vấn sau đó trở thành bên tranh chấp với Nhà nước. Bên cạnh đó, đề nghị cần xác định rõ trường hợp cơ quan nhà nước yêu cầu Trung tâm tư vấn, hỗ trợ pháp lý thì có phải thanh toán chi phí dịch vụ như doanh nghiệp hay không; đồng thời làm rõ nguyên tắc ưu tiên phân bổ nguồn lực của Trung tâm giữa nhiệm vụ hỗ trợ cơ quan nhà nước và việc cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, doanh nghiệp, bảo đảm phù hợp với chức năng của Trung tâm và tránh ảnh hưởng đến nhiệm vụ phục vụ lợi ích công.

Có ý kiến đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về cơ chế tách bạch giữa các hoạt động hỗ trợ Nhà nước và hoạt động cung cấp dịch vụ của Trung tâm; đồng thời làm rõ các quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin, phòng ngừa xung đột lợi ích và trách nhiệm của các chuyên gia, tư vấn theo hợp đồng trong quá trình tham gia xử lý các vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế<sup>27</sup>. Một số ý kiến đề nghị bổ sung nhiệm vụ cảnh báo sớm và trách nhiệm điều phối nhằm phát huy vai trò và bảo đảm trung tâm này hoạt động hiệu quả, thực chất.

## **9. Về cơ chế hoạt động của Trung tâm phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Điều 17)**

**9.1.** Một số ý kiến cho rằng, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương<sup>28</sup> quy định “Trường hợp cần thiết phải thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập, thì đơn vị đó phải tự bảo đảm toàn bộ về tài chính (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu)”, do đó đề nghị làm rõ việc thành lập Trung tâm và cơ chế tài chính dự kiến có phù hợp với định hướng nêu tại Nghị quyết này hay không. Trường hợp đáp ứng yêu cầu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương, cần xác định rõ vị trí, vai trò, địa vị pháp lý, chức năng nhiệm vụ của Trung tâm trong mối quan hệ thực hiện phối hợp phòng ngừa và giải quyết tranh chấp, từ đó làm cơ sở xác định tổ chức bộ máy và hoạt động, cơ chế tài chính và chính sách đặc thù cho Trung tâm phù hợp, hiệu quả.

Một số ý kiến cho rằng, cơ chế tài chính của Trung tâm tại Điều 17 được thiết kế theo hướng vừa được ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, vừa thu phí dịch vụ, chưa thật sự tương thích với mô hình đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành<sup>29</sup>. Có ý kiến đề nghị cần tiếp tục làm rõ cơ chế quản lý, sử dụng nguồn thu, bảo đảm minh bạch tài chính, tránh phát sinh xung đột giữa mục tiêu thực hiện nhiệm vụ công và mục tiêu tạo nguồn thu dịch vụ; đồng thời cần làm rõ việc sử dụng các nguồn thu khác (từ dịch vụ, viện trợ, tài trợ).

**9.2.** Về chính sách đặc thù cho nhân sự làm công tác phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, một số ý kiến đề nghị cần nghiên cứu, cân nhắc kỹ để bảo đảm sự tương quan hợp lý với các chính sách đặc thù đã được ban hành, bảo đảm tính đồng bộ, tránh phát sinh bất hợp lý, bất bình đẳng trong khu vực công.

<sup>27</sup> Báo cáo số 4778/BC-UBKHCNMT15 ngày 17/3/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

<sup>28</sup> Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới hệ thống tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả của đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>29</sup> Văn bản số 1783/BTC-PC ngày 11/2/2026 và số 2231/BTC-PC ngày 25/2/2026 của Bộ Tài chính.

Hiện mô hình Trung tâm trong dự thảo Nghị quyết hiện chủ yếu thực hiện các chức năng nghiên cứu, tư vấn, đào tạo, hỗ trợ chuyên môn và xây dựng cơ sở dữ liệu, trong khi cơ chế tài chính và nhân sự được thiết kế ở mức đặc thù cao; do đó cần rà soát để bảo đảm tương xứng giữa chức năng, nhiệm vụ với cơ chế đặc thù được giao. Trường hợp Trung tâm chủ yếu thực hiện chức năng nghiên cứu, đào tạo, xây dựng cơ sở dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật thì cần cân nhắc lại phạm vi áp dụng các cơ chế đặc thù về tài chính, nhân sự; ngược lại, nếu Trung tâm được định hướng trở thành đầu mối chủ trì chuyên môn sâu về pháp lý trong lĩnh vực tranh chấp đầu tư quốc tế, tham gia trực tiếp chủ trì xây dựng chiến lược xử lý tranh chấp thì cần làm rõ hơn địa vị pháp lý, thẩm quyền, trách nhiệm và cơ chế phối hợp trong tổng thể hệ thống.

**9.3.** Một số ý kiến cho rằng, cơ chế đãi ngộ tại dự thảo Nghị quyết, đặc biệt là quy định cho phép áp dụng cơ chế tiền lương, thù lao đối với chuyên gia lên tới 100 lần mức lương cơ sở (điểm d khoản 3 Điều 17), có thể tạo ra mức chênh lệch lớn so với mặt bằng tiền lương chung trong khu vực công dù đây cũng không phải là một ngành nghề đặc thù đặc biệt quan trọng<sup>30</sup>; do đó cần đánh giá kỹ tác động đối với hệ thống tiền lương hiện hành, đồng thời làm rõ cơ chế quản lý, đánh giá kết quả hoạt động của chuyên gia và của Trung tâm để bảo đảm việc sử dụng ngân sách nhà nước gắn với hiệu quả thực chất. Trong trường hợp chuyên gia được hưởng mức thù lao cao nhưng không tham gia thường xuyên vào quá trình xử lý các vụ tranh chấp hoặc không có đóng góp chuyên môn rõ ràng thì sẽ khó đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực. Có ý kiến đề nghị cần đánh giá kỹ về nguồn lực của Nhà nước để bảo đảm thực hiện quy định này trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh đó, một số ý kiến cho rằng, việc quy định cụ thể mức tiền lương, thù lao tối đa đối với chuyên gia là nội dung thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành của Chính phủ, tương tự như các cơ chế đã được quy định tại Nghị định số 103/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; do đó đề nghị nghiên cứu, không quy định nội dung này, trường hợp cần thiết chỉ quy định nguyên tắc, không ấn định mức cụ thể trong Nghị quyết của Quốc hội. Có ý kiến đề nghị cần nghiên cứu xây dựng tiêu chí đối với chức danh chuyên gia pháp lý trong nước và quốc tế để làm căn cứ xác định chế độ lương, thưởng cho phù hợp, tương tự như tiêu chí đối với các chức danh tổng công trình sư, nhà khoa học đầu ngành, chuyên gia trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh<sup>31</sup>.

**9.4.** Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị tiếp tục nghiên cứu quy định tại điểm c khoản 3 Điều 17 cho phép Trung tâm được mua sắm trực tiếp, không thông qua

<sup>30</sup> Báo cáo số 1719/BC-UBQPANDDN ngày 13/3/2026 của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại: Hiện nay, tham khảo quy định tại Nghị định số 103/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 về một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt thì mức tối đa tiền lương theo tháng của chuyên gia bằng 30 lần mức lương cơ sở; nhà khoa học đầu ngành bằng 80 lần mức lương cơ sở; tổng công trình sư bằng 100 lần mức lương cơ sở (Điều 19 Nghị định số 103/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 về một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt)

<sup>31</sup> Báo cáo số 1719/BC-UBQPANDDN ngày 13/3/2026 của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại.

đầu giá, đấu thầu đối với cơ sở dữ liệu trong nước và nước ngoài. Đây là nội dung liên quan đến cơ chế quản lý, sử dụng ngân sách và mua sắm công, do đó cần được rà soát, đánh giá kỹ về sự phù hợp với pháp luật có liên quan, bảo đảm tính minh bạch, chặt chẽ và khả thi trong quá trình thực hiện.

## **10. Về Chế độ, chính sách đối với người lao động của Trung tâm (Điều 18)**

**10.1.** Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 205-KL/TW ngày 07/11/2025 về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng và đãi ngộ cán bộ, trong đó đã có một số cơ chế đặc thù tương đồng với một số chính sách tại dự thảo Nghị quyết<sup>32</sup>. Một số ý kiến đề nghị làm rõ phạm vi, đối tượng và thời hạn áp dụng chính sách đãi ngộ; việc quy định chế độ hỗ trợ bằng 100% tiền lương hằng tháng mà không xác định thời hạn áp dụng cần được đánh giá kỹ về tính khả thi và khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Đồng thời, cần làm rõ cách thức tính mức phụ cấp, mối quan hệ giữa các khoản hỗ trợ, cũng như trách nhiệm, nhiệm vụ của công chức khi được điều động hoặc làm việc tại Trung tâm. Một số ý kiến cho rằng, tranh chấp đầu tư quốc tế là các vụ việc riêng lẻ, có thời hạn xử lý, không phải là hoạt động thường xuyên, liên tục, do đó cần cân nhắc quy định mức chi theo vụ việc, không nên quy định mức lương tháng cố định<sup>33</sup>.

**10.2.** Theo quy định tại dự thảo Nghị quyết, trách nhiệm trực tiếp xử lý tranh chấp đầu tư quốc tế chủ yếu thuộc về các bộ, ngành và địa phương là cơ quan có biện pháp bị kiện, trong khi Trung tâm chủ yếu thực hiện chức năng tư vấn, hỗ trợ. Tuy nhiên, cơ chế đãi ngộ tại dự thảo Nghị quyết lại quy định mức phụ cấp đối với nhân sự của Trung tâm có thể lên tới 300% tiền lương (điểm a khoản 1 Điều 18), trong khi cán bộ, công chức của các cơ quan chủ trì giải quyết tranh chấp và thành viên Tổ công tác liên ngành là các chủ thể chịu trách nhiệm chính trong xử lý vụ việc chỉ được hưởng mức hỗ trợ thấp hơn. Do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát để bảo đảm sự hợp lý trong phân bổ chính sách đãi ngộ giữa các chủ thể tham gia.

**10.3.** Điểm a khoản 1 Điều 18 của dự thảo Nghị quyết quy định viên chức của Trung tâm và công chức được điều động đến làm việc tại Trung tâm ngoài việc hưởng lương theo ngạch, chức danh nghề nghiệp và các khoản phụ cấp theo quy định còn được hưởng phụ cấp tăng thêm hằng tháng bằng 100% mức lương hiện hưởng; đồng thời, trong thời gian trực tiếp tham gia giải quyết vụ việc tranh chấp đầu tư quốc tế theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì được hưởng phụ cấp tăng thêm hằng tháng không quá 300% mức lương hiện hưởng. Việc quy định như dự thảo Nghị quyết được hiểu là các đối tượng làm việc tại trung tâm

---

<sup>32</sup> Điểm c, mục 3 Kết luận số 205-KL/TW ngày 07/11/2025: “(3) Nhà khoa học trẻ; chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, người có trình độ chuyên môn cao; nhà quản lý, quản trị doanh nghiệp được hưởng lương và phụ cấp tăng thêm hằng tháng tối thiểu 300% mức lương ở vị trí việc làm được tuyển dụng (không dùng để tính đóng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định tuyển dụng của cấp có thẩm quyền hoặc theo thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng và người lao động; được áp dụng khung lương, thưởng đặc biệt, theo thỏa thuận nếu có thành tích xuất sắc trong hoạt động công vụ được cấp có thẩm quyền công nhận. (4) Cán bộ, công chức, viên chức được nâng ít nhất một bậc lương của hệ số lương hiện hưởng và hưởng phụ cấp tăng thêm 300% mức lương hiện hưởng (không dùng để tính đóng hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế).”

<sup>33</sup> Báo cáo số 1719/BC-UBQPANDDN ngày 13/3/2026 của Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại.

được hưởng hai cơ chế đặc thù trong cùng một thời điểm, không đúng tinh thần của Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Nghị quyết số 250/2025/QH15 và không đảm bảo mặt bằng, cũng như tính công bằng cho các Bộ, cơ quan Nhà nước thực hiện các hoạt động công vụ. Do đó, đề nghị làm rõ mối quan hệ giữa hai loại “phụ cấp tăng thêm hằng tháng” nêu trên để tránh cách hiểu chòng chẹo trong quá trình áp dụng, đặc biệt trong trường hợp người lao động đồng thời làm việc tại Trung tâm và trực tiếp tham gia xử lý vụ việc tranh chấp. Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng gắn chế độ phụ cấp với từng vụ việc cụ thể đối với trường hợp trực tiếp tham gia giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, nhằm bảo đảm việc chi trả phù hợp với khối lượng, tính chất công việc thực tế và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước<sup>34</sup>.

## 11. Về chế độ, chính sách cho người làm công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế (Điều 20)

11.1. Khoản 4 Điều 20 quy định “miễn trách nhiệm pháp lý” đối với người tham gia trong quá trình phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Một số ý kiến cho rằng “trách nhiệm pháp lý” trong hệ thống pháp luật Việt Nam có phạm vi rộng, bao gồm cả trách nhiệm hành chính, dân sự và hình sự. Bên cạnh đó, theo quy định của Bộ luật Hình sự và pháp luật về cán bộ, công chức, việc xác định hoặc miễn trừ trách nhiệm pháp lý, đặc biệt là trách nhiệm hình sự, phải được thực hiện theo các quy định cụ thể của pháp luật chuyên ngành và thẩm quyền của cơ quan tư pháp<sup>35</sup>. Do đó, đề nghị làm rõ điều kiện, phạm vi và nguyên tắc áp dụng, không làm phát sinh các cách hiểu khác nhau trong quá trình áp dụng.

11.2. Nhiều ý kiến đề nghị không quy định cơ chế ưu tiên đối với người tham gia công tác phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế như tại khoản 4 Điều 20 của dự thảo Nghị quyết<sup>36</sup>, do đây không phải cơ chế, chính sách đặc thù mà thuộc thẩm quyền quản lý, điều hành công tác cán bộ của Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền. Một số ý kiến cho rằng, do tính chất chuyên môn sâu và phức tạp của tranh chấp đầu tư quốc tế, việc hình thành đội ngũ chuyên gia có năng lực đòi hỏi quá trình đào tạo và tích lũy kinh nghiệm lâu dài; nếu áp dụng cơ chế luân chuyển thường xuyên có thể ảnh hưởng đến tính ổn định và chuyên sâu của đội ngũ, làm gián đoạn quá trình tích lũy kinh nghiệm và giảm tính liên tục trong xử lý các vụ tranh chấp kéo dài nhiều năm, **không đảm bảo mục tiêu chính sách Chính phủ nêu tại Tờ trình và dự thảo Nghị quyết**<sup>37</sup>.

Có ý kiến đề nghị chế độ, chính sách đối với người làm công tác phòng ngừa tranh chấp đầu tư quốc tế cần được xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền trước khi quy định nhằm bảo đảm chặt chẽ và phù hợp.

<sup>34</sup> Báo cáo số 1832/BC-UBVHXH15 ngày 16/3/2026 của Ủy ban Văn hóa và Xã hội.

<sup>35</sup> Báo cáo số 1530/BC-UBCTĐB15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Công tác đại biểu; Báo cáo số 1715/BC-UBPLTP15 ngày 18/3/2026 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp.

<sup>36</sup> *Ưu tiên quy hoạch, biệt phái, điều động, luân chuyển; rút ngắn thời gian xét nâng bậc lương trước thời hạn hoặc bố trí vào vị trí lãnh đạo, quản lý trên cơ sở kết quả đánh giá năng lực, thành tích công tác.*

<sup>37</sup> Báo cáo số 1530/BC-UBCTĐB15 ngày 13/3/2026 của Ủy ban Công tác đại biểu.

## 12. Về Điều khoản thi hành (Điều 22)

Đối với quy định chuyển tiếp (khoản 2 Điều 22) về việc áp dụng Nghị quyết đối với các tranh chấp phát sinh trước thời điểm Nghị quyết có hiệu lực nhưng chưa có phán quyết, đa số ý kiến cho rằng, việc áp dụng các quy định mới đối với các vụ việc đang giải quyết là có thể chấp nhận về nguyên tắc do chủ yếu liên quan đến thủ tục và cơ chế tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, cũng có ý kiến đề nghị cần rà soát kỹ lưỡng để bảo đảm việc chuyển đổi cơ chế không làm gián đoạn quá trình xử lý các vụ tranh chấp đang diễn ra, đặc biệt trong trường hợp vụ việc đã được tổ chức thực hiện theo chiến lược pháp lý và cơ chế phối hợp trước đó.

Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị làm rõ cơ chế chuyển tiếp trong trường hợp biện pháp bị kiện là bản án hoặc quyết định tố tụng của cơ quan tư pháp. Theo quy định hiện hành, Bộ Tư pháp đang thực hiện vai trò đại diện pháp lý và chủ trì trong một số nội dung liên quan; trong khi theo cơ chế của dự thảo Nghị quyết, cơ quan có biện pháp bị kiện sẽ là Cơ quan chủ trì. Do đó, cần làm rõ cách thức xử lý đối với các vụ việc đang được thực hiện theo cơ chế hiện hành để bảo đảm tính liên tục, thống nhất và khả thi trong quá trình áp dụng quy định chuyển tiếp.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra sơ bộ dự thảo Nghị quyết về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế, Thường trực Ủy ban Kinh tế và Tài chính kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.

### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- Chính phủ;
- TT HĐDT, các UB của QH;
- Các Bộ: TP, TC;
- VPQH, VPCP;
- Lãnh đạo Vụ KTTC (đề t/m, p/v);
- Lưu: HC, KTTC.

**TM. THƯỜNG TRỰC ỦY BAN  
CHỦ NHIỆM**

**Phan Văn Mãi**